TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 346/2025/HNGĐ-ST.
Ngày: 22/12/2025.
Về việc: "Tranh chấp ly hôn và nuôi con".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn An**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Dũng

Ông Đỗ Văn Dân

- ***Thư ký phiên tòa****:* Bà **Đỗ Thị Mộng Trinh** - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 – An Giang.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 4 – An Giang tham gia phiên tòa****:* Không.

Ngày 22 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 – An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 227/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2025 về việc: "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 92/2025/QĐST–HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1992. Địa chỉ: ấp Đường Thét, xã BG, tỉnh AG (Vắng mặt – Có đơn xin giải quyết vắng mặt).

- *Bị đơn*: Anh **Trần Văn N,** sinh năm 1985. Địa chỉ: ấp Vàm Rầy, xã BS, tỉnh AG (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày như sau:***

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn N sau thời gian tự tìm hiểu, yêu thương thì được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào năm 2019. Sau đó anh chị có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Sơn Bình, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang vào ngày 04/6/2020. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng từ đầu năm 2022 giữa anh chị bắt đầu phát

sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Tuấn không quan tâm lo lắng cho gia đình, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thậm chí còn có mối quan hệ khác bên ngoài dẫn đến tình trạng vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất hòa. Mâu thuẫn trầm trọng hơn và không hàn gắn được nên chị Thuận đã sống ly thân với anh Tuấn cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và hôn nhân không hạnh phúc nên chị Nguyễn Thị T yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn N.

- *Về con chung:* Chị Thuận xác định chị và anh Tuấn có một người con chung tên Trần Nguyễn Gia Bảo, sinh ngày 19/7/2020 hiện con chung đang sống cùng anh Tuấn. Ly hôn chị Thuận đồng ý giao cháu Bảo cho anh Tuấn tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành, chị không cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị Thuận xác định chị và anh Tuấn không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

**** Bị đơn anh Trần Văn N:***

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bà Trần Thị Mai là mẹ ruột của anh Tuấn nhận thay và cam kết sẽ chuyển thông tin đến anh Tuấn, nhưng anh Tuấn đều vắng mặt, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh Tuấn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo nội dung đơn khởi kiện chị Nguyễn Thị T yêu cầu được ly hôn và nuôi con với anh Trần Văn N. Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn anh Trần Văn N có nơi cư trú tại ấp Vàm Rầy, xã Bình Sơn, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 – An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn anh Trần Văn N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết (HĐXX) định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa.

[3] *Về nội dung vụ án:*

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, HĐXX có cơ sở xác định: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn N sau thời gian tự tìm hiểu thì được hai bên gia đình thống nhất tổ chức lễ cưới vào năm 2019. Đến năm 2020 anh chị có thực hiện việc đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên

Giang (nay là UBND xã Hòn Đất, tỉnh An Giang) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 68, ngày 04/6/2020. Như vậy, hôn nhân giữa chị Thuận và anh Tuấn là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu của chị Thuận về việc yêu cầu ly hôn với anh Tuấn thấy rằng: Trong quá trình chung sống giữa chị Thuận và anh Tuấn có phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cự cãi, bất hòa. Theo chị Thuận trình bày nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, anh Tuấn không quan tâm, lo lắng cho gia đình và còn có mối quan hệ khác bên ngoài. Mặc dù chị Thuận có khuyên can nhưng không thay đổi, nhận thấy cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục nên chị Thuận quyết định sống ly thân với anh Tuấn từ cuối năm 2022 cho đến nay. Chị Thuận xác định trong thời gian chị và anh Tuấn sống ly thân, anh chị không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa, cũng không thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành giải thích pháp luật và động viên chị Thuận đoàn tụ gia đình, nhưng chị Thuận vẫn kiên quyết ly hôn với anh Tuấn. Đồng thời Tòa án cũng tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Tuấn nhiều lần thông qua bà Trần Thị Mai là mẹ ruột của anh Tuấn, bà Mai cho biết anh Tuấn cũng đồng ý ly hôn với chị Thuận nhưng bận đi làm nên không về Tòa án làm việc được. Đồng thời tính đến thời điểm hiện tại anh Tuấn cũng không có văn bản nào thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, điều này chứng tỏ anh Tuấn cũng không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị Thuận.

Từ những nhận định trên cho thấy mối quan hệ hôn nhân giữa chị Thuận và anh Tuấn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc chị Nguyễn Thị T yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn N là có cơ sở để được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] *Về quan hệ con chung:* Quá trình chung sống chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn N xác định anh chị có 01 người con chung tên Trần Nguyễn Gia Bảo, sinh ngày 19/7/2020. Ly hôn chị Thuận đồng ý giao cháu Bảo cho anh Tuấn tiếp tục nuôi dưỡng, vì hiện con chung đang sống cùng anh Tuấn. Do đó HĐXX ghi nhận sự tự nguyện của chị Thuận giao cháu Trần Nguyễn Gia Bảo, sinh ngày 19/7/2020 cho anh Trần Văn N chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị T không cấp dưỡng nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án anh Tuấn không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không có cơ sở xem xét. Nếu anh Tuấn có yêu cầu thì khởi kiện thành vụ kiện khác theo quy định của pháp luật.

[3.3] *Về quan hệ tài sản và nợ chung:* Chị Nguyễn Thị T xác định chị và anh Tuấn không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[4] *Về án phí:* Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì chị Nguyễn Thị T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, 2025.

- Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Trần Văn N.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Trần Nguyễn Gia Bảo, sinh ngày 19/7/2020 cho anh Trần Văn N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét.

Về quyền thăm nom, chăm sóc con chung: Trong thời gian anh Trần Văn N nuôi con; chị Nguyễn Thị T được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

4. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị T xác định chị và anh Tuấn không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005163 ngày 20 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Như vậy, chị Nguyễn Thị T không phải nộp thêm.

6. Quyền kháng cáo: Báo cho đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND Khu vực 4 – An Giang;
- Phòng THA khu vực 4 – An Giang;
- UBND xã Bình Sơn, tỉnh An Giang;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Văn An